## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
MỤC LỤC
Trang

1. Bár r̛oo của Hội đồng quản trị ..... $1-2$
2. Báo cáo kiểm toán ..... 3
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Bảng cân đối kế toán ..... 4-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ..... 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ..... 8
Thuyết minh báo cáo tài chính ..... $9-16$

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Domenal trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

## 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000099 ngày 06 tháng 3 năm 2008 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000031 ngày 08 tháng 5 năm 2008 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã cấp.

Thời gian hoạt động theo giấy phép: 50 năm kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2008.
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:
Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Trung Chánh Chủ tịch
Ông Phạm Văn Châu Thành viên
Ông Lê Văn Hậu Thành viên
Bà Nguyễn Lê Hoà Thành viên
Bà Lại Hoàng Mai Thành viên
Ban Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Đào
Ông Nguyễn Xuân Nhàn
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
3. Trụ sở

Nhà máy của Công ty đặt tại cụm công nghiệp Phong Mỹ, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
Văn phòng công ty: 143 Lê Lợi, Phường 2, thành phố Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

## 4. Hoạt động chính

## Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc thú y, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú $y$.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc thú y thủy sản.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại hóa chất (trừ hóa chất dùng trong nông nghiệp); thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.


## 5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

## 6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

## 7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.

## 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để
 ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.


## 9. Phê chuẩn của Hội đồng thành viên

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, thuyết minh báo cáo tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy địh pháp lý có liên quan.
0004Ab Bomy kháp, ngày 18 tháng 6 năm 2009

## CONFfăy mà Hội đồng Quản trị쓴

CÔ’PHÂN

Huỳnh Trung Chánh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## Số: 00247.HCM/58.09

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2009

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Domenal

## Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Domenal ("Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 4 đến trang 16 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

## Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

## Ý kiến kiểm toán

Theo chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu thì báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ̀ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Domenal được lập phiqu Avea guy dinh phat plý có liên quan.


TỐNG GIÁM ĐÓC
NGUYỄN THỦY HOA
KIÊM TOÁN VIẾN
Chứng chi KTV số Đ.0065/KTV
Chưng chỉ KTV số 0423/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | $\begin{gathered} \text { Mã } \\ \text { số } \end{gathered}$ | Thuyết minh | 31/12/2008 |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| TȦI SẢN NGÁN HAN | 100 |  | 120.506.526.341 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 76.506.643.508 |
| Tiền | 111 |  | 2.506 .643 .508 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 |  | 74.000 .000 .000 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 43.500.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 121 |  | 43.500.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 |  | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 |  | 7.399.992 |
| Phải thu khách hàng | 131 |  | - |
| Trả trước cho người bán | 132 |  | - |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 |  | - |
| Các khoản phải thu khác | 138 |  | 7.399.992 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 |  | - |
| Hàng tồn kho | 140 |  | - |
| Hàng tồn kho | 141 |  | - |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 |  | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 |  | 492.482.841 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 |  | 108.297 .286 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 |  | 367.885.555 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 |  | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 5.3 | 16.300 .000 |
| TÀI SẢN DÀI HAN | 200 |  | 14.428.276.872 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 |  | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 |  | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 |  |  |
| Phải thu dài hạn nội bộ | 213 |  | - |
| Phải thu dài hạn khác | 218 |  | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 |  | - |
| Tài sản cố định | 220 |  | 14.310.074.935 |
| TSCĐ hữu hình | 221 | 5.4 | 616.501.305 |
| Nguyên giá | 222 |  | 685.447 .134 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 |  | (68.945.829) |
| TSCĐ vô hình | 227 | 5.5 | $\mathbf{2 5 . 0 0 0 . 0 0 2}$ |
| Nguyên giá | 228 |  | 30.000 .000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 |  | (4.999.998) |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 5.6 | 13.668.573.628 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 |  | - |
| Đầu tư vào công ty con | 251 |  | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 |  | - |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 |  | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 |  | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 |  | 118.201.937 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.7 | 118.201 .937 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 |  | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 |  | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 |  | 134.934.803.213 |



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | $\begin{gathered} \text { Mã } \\ \text { số } \end{gathered}$ | Thuyết minh | 31/12/2008 |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| NƠ PHẢI TRẢ | 300 |  | 2.317.671.021 |
| Nọ' ngắn hạn | 310 |  | 2.317.671.021 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 |  | - |
| Phải trả người bán | 312 | 5.8 | 1.837.216.000 |
| Người mua trả tiền trước | 313 |  | - |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 5.9 | 466.241 .021 |
| Phải trả người lao động | 315 |  | - |
| Chi phí phải trả | 316 |  | - |
| Phải trả nội bộ | 317 |  | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 5.10 | 14.214 .000 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 |  | - |
| Nợ dài hạn | 330 |  | - |
| Phải trả dài hạn người bán | 331 |  | - |
| Phải trả dài hạn nội bộ | 332 |  | - |
| Phải trả dài hạn khác | 333 |  | - |
| Vay và nợ dài hạn | 334 |  | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 |  | - |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 |  | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 337 |  | - |
| VỐN CHỦ SỞ HŨU | 400 | 5.11 | 132.617.132.192 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 |  | 132.215.933.799 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 |  | 125.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 |  | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 413 |  |  |
| Cổ phiếu ngân quỹ | 414 |  | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 |  | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 |  | (683.929.705) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 417 |  | 6.043 .083 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 |  | 417.002.393 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 |  | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 |  | 7.476.818.028 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 |  |  |
| Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 |  | 401.198.393 |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 431 |  | 401.198.393 |
| Nguồn kinh phí | 432 |  | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 |  | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 |  | 134.934.803.213 |

## BÅNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | $\mathbf{3 1 / 1 2 / 2 0 0 8}$ |
| :--- | :---: | :---: |
| Tài sản thuê ngoài | - |  |
| Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | - |  |
| Hang hóa nhận bãn hộ, nhận ky̆ gưi, ký cuợc | - |  |
| Nợ khó đò đá xử ly̆ (VND) | - |  |
| Ngoại tệ các loại |  |  |
| - EUR | 619,75 |  |
| - USD | $82.117,36$ |  |
| Dự toán chi sự nghiệp, dự án | - |  |

Kế toán trưởng


CÔNG TY CỔ PHÀN DOMENAL

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị: VND

| CHİ TIÊU | $\begin{gathered} \text { Mã } \\ \text { số } \end{gathered}$ | Thuyết minh | Năm 2008 |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 |  | - |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 |  | - |
| Doanh thu thuần | 10 |  | - |
| Giá vốn hàng bán | 11 |  | - |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | 20 |  | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.1 | 10.880.050.871 |
| Chi phí tài chính | 22 |  | - |
| - Trong đó: lãi vay phải trả | 23 |  | - |
| Chi phí bán hàng | 24 |  | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 6.2 | 1.307.846.211 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 |  | 9.572.204.660 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.3 | 13.636.365 |
| Chi phí khác | 32 |  | - |
| Lợi nhuận khác | 40 |  | 13.636.365 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 |  | 9.585.841.025 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 |  | 1.268.975.128 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 |  | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 |  | 8.316.865.897 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 7.3 | 665 |



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỂN TẸ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị: VND

| CHİ TIÊU | $\begin{gathered} \text { Mã } \\ \text { số } \\ \hline \end{gathered}$ | TM | Năm 2008 |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh |  |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 |  | 9.585.841.025 |
| Điều chinh cho các khoản |  |  |  |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 |  | 73.945 .827 |
| - Các khoản dự phòng | 03 |  | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 |  | (683.929.705) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 |  | (10.880.050.871) |
| - Chi phí lãi vay | 06 |  | - |
| Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi vốn lưu động | 08 |  | (1.904.193.724) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 |  | (391.585.547) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 |  | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 |  | 255.517 .042 |
| - Tăng giảm chi phí trả trước | 12 |  | (226.499.223) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 |  | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 |  | (822.034.099) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 |  | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 |  | (15.804.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 |  | (3.104.599.551) |

II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác 21
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác 22
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác 23
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác 24
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 25
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 26
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 27
(12.768.807.812)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư
30
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu 31
- Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu 32
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được 33
- Tiền chi trả nợ gốc vay 34
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính 35
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu 36

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính 40
(43.500.000.000)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ 50
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ $\quad 60$
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 61
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ

Kế toán trưởng


LÊ MINH HIẾU


## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000099 ngày 6 tháng 3 năm 2008 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000031 ngày 8 tháng 5 năm 2008 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc thú y, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú $y$.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc thú y thủy sản.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại hóa chất (trừ hóa chất dùng trong nông nghiệp); thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.
Năm 2008, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn thuỷ sản.
Thời gian hoạt động theo giấy phép: 50 năm kể từ ngày 8 tháng 5 năm 2008 .
Nhà máy của Công ty đặt tại cụm công nghiệp Phong Mỹ, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
Văn phòng công ty: 143 Lê Lợi, Phường 2, thành phố Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 11 người.


## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỂN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## 3. CHUẢ̉N MỰC VÀ CHÊ ĐỘ KÊ TOÁN ÁP DƯNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Năm tài chính đẩu tiên bắt đầu từ ngày 6 tháng 3 năm 2008 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 4.2. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài VND được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
Các khoản tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi sang VND theo tỷ giá Ngân hàng ngoại thương tỉnh Đồng Tháp công bố tại ngày này (tỷ giá 17.486 VND/USD, 24.976 VND/EUR).
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch do đánh giá lại tài khoản có số dư ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán.

### 4.3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế.
Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyền giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lắi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh .

Khấu hao TSC h hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:
Máy móc thiết bị

## Thò̀i gian

Phương tiện vận tải
Phần mềm kế toán

### 4.4. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.


### 4.6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là $15 \%$ trong 12 năm và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm $50 \%$ số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Theo công văn số 239/CT-TT\&HT ngày 18 tháng 02 năm 2009, Công ty được xem là doanh nghiệp vừa và nhỏ và được giảm $30 \%$ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý 4 năm 2008.

### 4.7. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL 

THUYÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRİNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

31/12/2008
VND
Tiền mặt tồn quỹ-VND
19.540.067

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng

Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày $31 / 12 / 2008$ :

|  | Nguyên tệ |  | VND |
| :--- | ---: | ---: | ---: |
| VND | 1.035 .720 .408 |  | 1.035 .720 .408 |
| EUR | 619,75 | $\#$ | 15.478 .876 |
| USD | $82.117,36$ | $\#$ | 1.435 .904 .157 |
|  |  |  | $\mathbf{2 . 4 8 7 . 1 0 3 . 4 4 1}$ |

5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn khác

|  | Lãi suất | Thời gian <br> đáo hăn | Số dư 31/12/2008 |
| :--- | ---: | ---: | ---: |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | $8 \% /$ năm | $31 / 03 / 2009$ | 7.500 .000 .000 |
| Cho Domesco vay | $11 \% /$ năm | $28 / 02 / 2009$ | 33.000 .000 .000 |
| Cho Ông Lê Văn Hậu vay | $12 \% /$ năm | $31 / 12 / 2008$ | 3.000 .000 .000 |
|  |  |  | $\mathbf{4 3 . 5 0 0 . 0 0 0 . 0 0 0}$ |

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

31/12/2008
VND
Tạm ứng $\quad 16.300 .000$
5.4. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Máy móc thiết bị <br> VND | Phương tiện vận tải VND | Tổng cộng tài sản hữu hình <br> VND |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| Số dư đầu năm | - | - |  |
| Tăng trong năm | 150.811 .498 | 534.635 .636 | 685.447.134 |
| Giảm trong năm |  | - |  |
| Số dư cuối năm | 150.811.498 | 534.635 .636 | 685.447.134 |
| Giá trị hao mòn luỹ kế Số dư đầu năm | - | - |  |
| Khấu hao | 31.818.354 | 37.127.475 | 68.945.829 |
| Giảm trong năm |  | - |  |
| Số dư cuối năm | 31.818.354 | 37.127.475 | 68.945.829 |
| Giá trị còn lại |  |  |  |
| Số dư đầu năm | - | - |  |
| Số dư cuối năm | 118.993.144 | 497.508.161 | 616.501.305 |

# CÔNG TY CỔ PHÀ̀N DOMENAL 

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 5.5. Tài sản cố định vô hình

|  | $\mathbf{3 1 / 1 2 / 2 0 0 8}$ |
| :--- | ---: |
| VND |  |
| Nguyên giá tài sản cố định vô hình (phần mềm kế toán) | 30.000 .000 |
| Khấu hao tài sản vô hình | 4.999 .998 |
| Giá trị còn lại đến $31 / 12 / 2008$ | $\mathbf{2 5 . 0 0 0 . 0 0 2}$ |

### 5.6. Xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2008
VND
Nhà máy sản xuất thức ăn thuỷ sản
2.229.731.604

- Giá trị san lấp mặt bằng
- Chi phí khảo sát thiết kế

Văn phòng Công ty đường Lê Anh Xuân
Công trình phụ nhà máy sản xuất thức ăn thuỷ sản
Mua sắm máy móc thiết bị 1.637.513.745
592.217.859

Công trình khác
$\left({ }^{*}\right)$ là chi phí để có quyền sử dụng đất và văn phòng đường Lê Anh Xuân, phuờng 2, TP. Cao lãnh, Đồng Tháp theo hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty xây lắp và vật liệu xây dựng Đồng Tháp với Công ty cổ phần Domenal. Và đến ngày 3 tháng 3 năm 2009, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

### 5.7. Chi phí trả trước dài hạn

|  | 31/12/2008 |
| :--- | ---: |
| VND |  |
| Chi phí thuê nhà trả trước | 58.705 .556 |
| Bảo hiềm | 8.325 .826 |
| Chi phí sửa chữa văn phòng | 51.170 .555 |

### 5.8. Phải trả người bán

## Nguyên tệ

Các nhà thầu xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị

| - VND | 95.912 .800 | 95.912 .800 |
| :--- | ---: | ---: |
| - USD | 80.800 | 1.412 .868 .800 |
| - EUR | 13.150 | 328.434 .400 |
|  |  | $\mathbf{1 . 8 3 7 . 2 1 6 . 0 0 0}$ |

95.912.800
80.800
13.150

31/12/2008
VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
446.941.029

Thuế thu nhập cá nhân
16.999.992

Thuế khác
2.300 .000
466.241.021

### 5.10. Phải trả khác

|  | $\mathbf{3 1 / 1 2 / 2 0 0 8}$ |
| :--- | ---: |
| Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng | VND |
|  | 14.214 .000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL THUYÊT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
5.11. Bảng biến động vốn chủ sở hữu
a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu
Vôn đầu tư của
chủ sở hữu
VND
$\begin{array}{lr}\text { Tăng vốn trong năm nay } & 125.000 .000 .000 \\ \text { Trích quỹ } & - \\ \text { Chênh lệch tỷ giá }\left({ }^{*}\right) & - \\ \text { Lãa sau thuế năm nay } & - \\ \\ \text { Số dư cuối năm nay } & \mathbf{1 2 5 . 0 0 0 . 0 0 0 . 0 0 0}\end{array}$
Số dư cuối năm nay
(*) Chi tiết như sau:
$\begin{array}{r}461.926 .655 \\ 222.003 .050 \\ \hline \mathbf{6 8 3 . 9 2 9 . 7 0 5} \\ \hline\end{array}$
$\begin{array}{r}\text { 31/12/2008 } \\ \text { VND } \\ 72.200 .000 .000 \\ 52.800 .000 .000 \\ \hline \mathbf{1 2 5 . 0 0 0 . 0 0 0 . 0 0 0} \\ \hline\end{array}$
$\begin{array}{r}\mathbf{3 1} / \mathbf{1 2} / \mathbf{2 0 0 8} \\ \text { VND } \\ 40.000 .000 .000 \\ 9.000 .000 .000 \\ 5.000 .000 .000 \\ \hline \mathbf{5 4 . 0 0 0 . 0 0 0 . 0 0 0} \\ \hline\end{array}$
Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính
(

## CÔNG TY CỎ PHÀN DOMENAL

## THUYẾT MINH bÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

## d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
14.000 .000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đã phát hành
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành
12.500 .000 cổ phiếu
12.500 .000 cổ phiếu
10.000 đồng
e) Các quỹ của doanh nghiệp

Theo điều lệ, Hội đồng quản trị quyết định trích từ nguồn lọi nhuận để lập quỹ dự tữ và các quỹ khác mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp. Theo đó, quỹ dự phòng tài chính được trích tối thiểu $5 \%$ lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng $10 \%$ vốn điều lệ Công ty, quỹ đầu tư phát triển tối đa là $20 \%$, quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa là $10 \%$.
Năm 2008, quỹ dự phòng tài chính được trích ở mức $5 \%$, quỹ khen thưởng phúc lợi là $5 \%$ trên lợi nhuận sau thuế, quỹ đầu tư phát triển được trích là 6.043 .083 đồng.
6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2008
VND
Lãi tiền gửi ngân hàng
5.977.896.204

Lãi cho Công ty Domesco vay
4.430.339.667

Lãi từ cho cá nhân vay 471.815.000 10.880.050.871
6.2. Chi phí quản lý

| Năm 2008 |  |
| :--- | ---: |
| VND |  |
| Chi phí tiền lương | 506.600 .000 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 12.212 .154 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 144.000 .000 |
| Chi phí đâo tạo | 45.360 .594 |
| Chi phí thuê nhà, bảo vệ | 90.391 .116 |
| Chi phí khấu hao tài sán cố định | 73.945 .827 |
| Công tác phí, chi phí tiếp khách | 104.402 .336 |
| Chi phí sửa chữa văn phòng | 32.563 .083 |
| Các chi phí khác | 298.371 .101 |
|  | $\mathbf{1 . 3 0 7 . 8 4 6 . 2 1 1}$ |

6.3. Thu nhập khác
Năm 2008
VND

### 6.4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

|  | Năm 2008 |
| :---: | :---: |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 9.585.841.025 |
| Chi phí không được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế | 144.500 .000 |
| Tổng thu nhập chịu thuế TNDN | 9.730 .341 .025 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (theo thuế suất $15 \%$ ) | 1.459.551.154 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm $30 \%$ theo nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của chính phủ | (190.576.026) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.268.975.128 |

## 7. NHŨ̃NG THÔNG TIN KHÁC

### 7.1. Quyền sử dụng đất

Theo quyết định số 325/QD-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2007, Công ty Domesco được Uỷ ban nhân dân huyện Cao lãnh giao đất tại quốc lộ 30 , cụm công nghiệp Phong Mỹ, xã Phong Mỹ, huyện Cao lãnh, Đồng Tháp để đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn thuỷ sản và nhà máy chế biển thuỷ sản đông lạnh xuất khẩu. Đến ngày 26 tháng 6 năm 2008, Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã chấp thuận việc chuyển giao lô đất trên từ Công ty Domesco sang Công ty Domenal. Công ty Domenal đã nộp tiền sử dụng đất cho Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp với số tiền là 9.506.325.000 đồng vào ngày 19 tháng 3 năm 2009.

### 7.2. Các cam kết

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá trị hợp đồng Công ty đã ký kết với Công ty TNHH nhà thép PEB nhưng chưa thực hiện với số tiền là 9.640 triệu đồng.

### 7.3. Sự kiện xảy ra sau niên độ

Đến ngày 15 tháng 4 năm 2009, trụ sở của công ty dời về số 30 , đường Lê Anh Xuân, phường 2, thành phố Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Theo nghị quyết số $05 / \mathrm{NQ}-\mathrm{DMN}-\mathrm{K} 1$ ngày 25 tháng 4 năm 2009, cổ tức được chia cho cổ động của năm 2008 là 7.500 .000 .000 đồng.
Các hợp đồng quan trọng được ký kết sau ngày lập báo cáo tài chính: trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 18 tháng 6 năm 2009, tổng giá trị hợp đồng đã được ký kết cho việc đầu tư xây dựng và mua sắm máy móc thiết bị là khoảng 37.971 triệu đồng.

### 7.4. Các bên có liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

| Bên liên quan | Mối quan hệ̉ |
| :--- | :--- |
| Công ty Cổ phần XNK Y tế DOMESCO | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| Ông Lê Văn Hậu | Cổ đông sáng lập |

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với Công ty Cổ phần XNK Y tế Domesco như sau:

| Nội dung nghiệp vụ | Ông Lê Văn Hâuu <br> VND | Công ty Domesco <br> VND |
| :--- | ---: | ---: |
| Cho vay tiền | 5.000 .000 .000 | 65.000 .000 .000 |
| Trả tiền vay | 2.000 .000 .000 | $(32.000 .000 .000)$ |
| Lãi vay đã trả | 441.815 .000 | 4.430 .339 .667 |

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

| Bên liên quan | Nội dung giao dịch | Phải thu (VND) |
| :--- | :---: | ---: |
| Công ty Cổ phần XNK Y tế Domesco | Cho vay | 33.000 .000 .000 |
| Ông Lê Văn Hậu | Cho vay | 3.000 .000 .000 |

### 7.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp 8.316.865.897

Lợi nhuận /(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu


LÊ MINH HIẾU
KẾ TOÁN TRƯỞNG


Đồng Tháp, ngày 18 tháng 06 năm 2009

